TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 796/2019/HC-PT
Ngày 08 tháng 11 năm 2019
V/v "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về bồi thường hỗ trợ tái định cư".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 344/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 5 năm 2019 về "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1624/2018/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2298/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1959. Địa chỉ: TT16A T1, Phường 15, Quận 10, T (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân T. Địa chỉ: 86 L, phường B, Quận 1, T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Trần Quốc T2 – Phó ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B1 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của người khởi kiện – Bà Lê Thị Kim H, tại đơn kiện gửi Tòa vào ngày 08 tháng 02 năm 2017, ngày 21 tháng 02 năm 2017, bản tự khai ngày 04 tháng 7 năm 2017 và biên bản không tiến hành đối thoại được:

Phần đất của bà Lê Thị Kim H bị thu hồi theo dự án cao tốc Bến Lức – Long Thành có diện tích 3.384,7m^2 thuộc một phần thửa 88, tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB. Theo tài liệu đo mới năm 2005, gồm 2.472,1m^2 thuộc một phần thửa 507, 905m^2 thuộc một phần thửa 512 và 7,6m^2 thuộc một phần thửa 114, tờ bản đồ số 37 Bộ địa chính xã Hưng Long, huyện B1. Vị trí mặt tiền đường Hưng Long, Qui Đức.

Theo Giấy chứng nhận vào sổ số H01682/7013911 ngày 02/8/2017 do UBND huyện B1 cấp cho bà Lê Thị Kim H, diện tích 905m^2, thửa số 512, tờ bản đồ số 37 (BĐC/2005), mục đích sử dụng đất trồng lúa. Ngày 28/9/2007, bà H chuyển mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây ăn quả lâu năm.

Nguồn gốc nhà đất như sau:

Năm 2006, bà H mua lại của ông Nguyễn Văn Trọng vào năm 2006, trên đất có nhà ở, có sổ hộ khẩu cấp ngày 14/10/1994, mang địa chỉ: A8/1, ấp 1, xã Hưng Long, huyện B1. Tại thời điểm chuyển nhượng đất, căn nhà của ông Trọng được tháo dỡ và năm 2007 bà H cất nhà để giữ vườn.

Căn cứ Điều 22 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND TPHCM; mục XIV của Phương án số 18/HĐBT ngày 22/01/2014 và bản vẽ của Công ty TNHH đo đạc thiết kế xây dựng An Lạc ngày 01/7/2014, thì thửa đất của bà H nằm trong khu dân cư hiện hữu, có vườn ao, có nhà ở.

Vị trí nhà đất:

Thửa đất của bà H tiếp giáp với mặt tiền đường Hưng Long, Qui Đức, thể hiện tại các giấy tờ mua bán đất giữa bà H với ông Trọng, giấy nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Bà H yêu cầu hủy Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND T về giải quyết khiếu nại: không công nhận tính bồi thường, hỗ trợ diện tích 1.500m^2 theo đơn giá đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở 1.785.800 đồng/m^2. Không công nhận tính 3.377,1m^2 đất thuộc vị trí mặt tiền đường để tính bồi thường, hỗ trợ.

Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân T trình bày tại Văn bản số 3241/UBND-NCPC ngày 21/7/2018:

Phần đất của bà Lê Thị Kim H bị thu hồi theo dự án cao tốc Bến Lức – Long Thành có diện tích 3.384,7m^2 thuộc một phần thửa 88, tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB. Theo tài liệu đo mới năm 2005, gồm 2.472,1m^2 thuộc một

phần thửa 507,905m^2 thuộc một phần thửa 512 và 7,6m^2 thuộc một phần thửa 114, tờ bản đồ số 37 Bộ địa chính xã Hưng Long, huyện B1; nhà xây dựng bị giải tỏa toàn bộ. Vị trí mặt tiền đường Hưng Long, Qui Đức.

Theo Giấy chứng nhận vào sổ số H01682/7013911 ngày 02/8/2017 do UBND huyện B1 cấp cho bà Lê Thị Kim H, diện tích 905m^2, thửa số 512, tờ bản đồ số 37 (BĐC/2005), mục đích sử dụng đất trồng lúa. Ngày 28/9/2007, bà H chuyển mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây ăn quả lâu năm.

Nguồn gốc đất do bà Hoa nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Trọng năm 2006, 2007, nguồn gốc nhà xây dựng năm 2007 để giữ vườn, không tranh chấp.

Theo bản vẽ của Công ty đo đạc thiết kế xây dựng An Lạc, lập ngày 04/3/2013 thể hiện lô đất có vị trí mặt tiền đường phía bên có kênh đường Hưng Long, Qui Đức, nằm trong khu dân cư nông thôn. Trên đất có căn nhà mang số A 36/4BGV ấp 1 xã Hưng Long, được bà H xây dựng năm 2007.

Căn cứ quy định pháp luật, Chủ tịch UBND T ban hành Quyết định 5558/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim H, là đúng.

Từ nội dung vụ án trên bản án sơ thẩm số 1624/2018/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân T tuyên xử:

Áp dụng:

- Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;
- Khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011;
- Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của bà Lê Thị Kim H yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân T giải quyết khiếu nại

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Lê Thị Kim H kháng cáo, bà H cho rằng theo Hợp đồng chuyển nhượng lại đất cho bà, ông Trọng có trách nhiệm di dời nhà và ngôi mộ trên đất. Năm 2007 bà có xin phép chính quyền địa phương xây dựng nhà giữ vườn, sau khi xây dựng vợ chồng bà cung người con gái và người cháu ở đi học. Khi giải quyết bồi thường không giải quyết bồi thường theo giá đất ở là không đúng; đất của bà nằm ở vị trí mặt tiền đường Hưng Long, Qui Đức, phía bên mặt kênh; bà yêu cầu xét lại giá bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay bà Lê Thị Kim H vẫn giữ y theo kháng cáo nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Quốc T2 (người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp) cho Chủ tịch UBND T cho rằng việc Chủ tịch UBND T ban hành Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 giải quyết khiếu nại đối với bà Lê Thị Kim H như trên là đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm xử.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị Kim H kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Bà Lê Thị Kim H khởi kiện đòi hủy Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND T về việc giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại của bà H trong lĩnh vực quản lý đất đai. Tòa án nhân dân T thị lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Theo Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND huyện B1, T về việc thu hồi đất của bà Lê Thị Kim H thực hiện theo dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức- Long Thành trên địa bàn huyện B1. UBND huyện B1 có 03 Quyết định về việc bòi thường, hỗ trợ di dời đối với hộ bà Lê Thị Kim H cụ thể: Quyết định số 10326/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 về bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 về việc hỗ trợ bổ sung cho hộ bà H; Quyết định số 12400/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện B1, T về việc hỗ trợ bổ sung thêm cho hộ bà H bằng 275.534.000đ. Ngoài 03 Quyết định bồi thường, hỗ trợ nêu trên. Bà H cho rằng việc việc bồi thường, hỗ trợ trong việc thu hồi đất của hộ bà của UBND và Chủ tịch UBND huyện B1, T như trên là không đúng, nên bà khiếu nại thì ngày 04/5/2015 Chủ tịch UBND huyện B1, T có Quyết định số 3711/QĐ-UBND – Không chấp nhận khiếu nại của bà, bà tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch UBND T có Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 như sau:

1. Không công nhận khiếu nại của bà H về yêu cầu bồi thường diện tích đất 1.500m^2 theo giá 1.788.800đ/m^2.

Không công nhận 01 phần quyết định giải quyết khiếu nại số 3711/QĐ-UBND ngày 04/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện B1, T cụ thể: Không chấp nhận nội dung hỗ trợ bồi thường như: 1.500m đất loại đất nông nghiệp trong khu dân cư vị trí mặt tiền đường; 1.537m^2 loại đất nông nghiệp (Thuần) trong khu dân cư nông thôn; vị trí mặt tiền đường; 340m^2 loại đất nông nghiệp (Thuần) ngoài khu dân cư nông thôn, vị trí mặt tiền đường.

2. Giao cho Chủ tịch UBND huyện B1, T tính toán bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 3.377m^2 (1500m^2 + 1.537,1m^2 + 340m^2) của bà H theo đơn giá vị trí đất không mặt tiền đường.

Xét về nguồn gốc sử dụng phần đất trên thì thấy: Phần đất nêu trên là của ông Nguyễn Văn Trọng, theo giấy chuyển nhượng viết tay ngày 29/8/2006 thì ông Trọng chuyển nhượng lại cho bà H ghi có nhà. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2000 của UBND huyện B1 cấp cho ông Trọng là loại đất nông nghiệp, thay đổi pháp lý vào năm 2006 (19/5/2006) chuyển đổi mục đích sử dụng đối với 01 phần thửa 88, diện tích 2.527m từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm. Theo bà H khai khi sang đất của ông Trọng thì bà H hỗ trợ cho ông Trọng tháo dỡ nhà trong năm 2006, vào năm 2007 thì bà H mới cất nhà tạm gọi là nhà giữ vườn.

Theo phương án số 18/PA-HĐBT ngày 22/01/2014 của Hội đồng bồi thường dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức- Long Thành chỉ quy định các trường hợp tự chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở trước ngày có quyết định thu hồi đất hoặc ngày công bố quy hoạch, cắm móc hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật và không vi phạm quy hoạch trước ngày 22/4/2004 tức trước ngày mà UBND T ban hành chỉ thị số 08/CT-UB về việc cấm xây dựng không phép trên địa bàn T thì được hỗ trợ 100% giá trị đất ở (trừ tiền sử dụng đất), phần diện tích đất ở vượt hạn mức và phần diện tích đất vườn ao trên cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thì được bồi thường hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc trên giấy tờ hợp lệ, hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận đất ở thì ngoài bồi thường còn được hỗ trợ 40% giá trị đất ở của thửa đất đó theo giá đất ở để tính bồi thường.

Vấn đề đặt ra ở đây là việc bà H yêu cầu UBND giải quyết bồi thường cho bà 1.500m theo giá đất ở và theo giá đất mặt tiền đường có đúng không.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐ/BBT ngày 01/7/2014 của Công ty TNHH đo đạc thiết kế xây dựng An Lạc thì phần đất trên tiếp giáp với kinh ra đường Long Phú, Qui Đức. Bà H cũng thừa nhận là kênh do nhà nước

thiết kế để thoát nước, không phải do người dân làm. Do đó, xác định phần đất của bà H là tiếp giáp với kênh rồi mới đến đường Hưng Long, Qui Đức.

Còn về việc bà H khai đất của bà ở vị trí mặt tiền đường nhưng theo thông báo nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất ngày 18/6/2006 của cán bộ thuế tính thuế không áp dụng đất mặt tiền đường, nên không có cơ sở để xác định phần đất mà bà H yêu cầu UBND giải quyết là phần đất ở cũng như phần đất ở mặt tiền đường. Nên không có căn cứ để hủy Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND T như trên là có căn cứ. Bà H kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND T nhưng tại tòa bà Hoa không xuất trình được chứng cứ nào khác ngoài nhận định trên, nên không có căn cứ để chấp nhận theo kháng cáo của bà H.

[3] Chấp nhận theo quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát cũng như quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim H yêu cầu hủy Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND T về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Lê Thị Kim H.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim H phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, ngày 06/3/2019 bà nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008223 tại Cục Thi hành án dân sự T; số tiền này được chuyển qua thi hành phần án phí phải nộp như trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/11/2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND T
- VKSND T;
- Cục THADS T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án, ĐTT (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung